TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **114**/2020/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 27 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1211/2019/HNST ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu việc giải quyết việc dân sự:

- Ông Cao Đình T1, sinh năm 1976
- Bà Đào Thị T2, sinh năm 1984

Địa chỉ: 2/4/31/14 L, phường P, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Đình T1 và bà Đào Thị T2 cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn ông Cao Đình T1 và bà Đào Thị T2 được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, công nhận ông Cao Đình T1 và bà Đào Thị T2 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: ông Cao Đình T1 và bà Đào Thị T2 có hai con chung là Cao Tấn T4, sinh ngày 07/3/2003 và Cao Thị Cẩm T5, sinh ngày 31/12/2008. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận ông T1 là người trực tiếp nuôi con chung và bà T2 không cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng nuôi con của ông T1 và bà T2 phù hợp với quy định tại các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3]Về T4 sản chung: ông T1 và bà T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông T1 và bà T2 xác nhận không có.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Cao Đình T1 và bà Đào Thị T2 nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do ông T1, bà T2 đã nộp theo biên lai số 0020152 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Cao Đình T1 và bà Đào Thị T2 cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 249, quyển số 02, ngày 14/10/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 19, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Cao Đình T1 và bà Đào Thị T2 không còn giá trị pháp luật kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: ông Cao Đình T1 trực tiếp nuôi hai con chung là Cao Tấn T4, sinh ngày 07/3/2003 và Cao Thị Cẩm T5, sinh ngày 31/12/2008. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T2 do ông T1 không yêu cầu

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ bà Đào Thị T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về T4 sản chung **:** Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Cao Đình T1 và bà Đào Thị T2 nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do ông T1, bà T2 đã nộp theo biên lai số 0020152 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự**.**

4.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ ghi chú);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Giang).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Cương